TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Nguy hại của dục tưởng với người xuất gia

ISSN: 2734-9195 14:30 08/11/2026

Đến cuối cùng, cái cần đạt không phải là một con người có thật nhiều "thành tích tu tập", mà là để Tâm ngày càng nhẹ đi, bớt tham, bớt sân, bớt si và không còn lấy những gì mình đang có để dựng lên một cái "ta" mới.

Tác giả: **Cư sĩ Phạm Tuấn Minh**

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 11/2026

Dẫn nhập:

Trích trong kinh Milinda Panha, tỳ kheo Na - tiên đã chia sẻ như sau với đức vua Mi Lan Đà: "...trong hàng Tăng lữ hiện có bảy hạng người xuất gia vì lý do khác nhau: 1. Có người xuất gia vì muốn trốn luật vua, phép nước. 2. Có người xuất gia là để được thân cận giới quyền quý cao sang. 3. Có người xuất gia là mong được quyền hành trong một ngôi chùa hay lãnh đạo Tăng lữ, đồ chúng. 4. Có người xuất gia vì thất nghiệp, muốn kiếm miếng cơm manh áo. 5. Có người xuất gia vì cô thế, cô thân, trốn kẻ thù nghịch. 6. Có người xuất gia vì mang công mắc nợ. 7. Có người xuất gia vì sợ sinh tử luân hồi, muốn chấm dứt khổ đau, phiền não".

Cách phân loại này cho thấy cùng là hành vi "rời bỏ gia đình", nhưng không phải mọi trường hợp đều có cùng giá trị của đời sống xuất gia.

Trong đời sống Phật giáo, "xuất gia" thường được hiểu theo nghĩa thông thường là rời bỏ đời sống gia đình, cạo bỏ râu tóc, khoác áo pháp và sống trong cộng đồng Tăng già.

Vì vậy, nếu chỉ nhìn xuất gia dưới phương diện thay đổi môi trường sống thì chưa đủ để phản ánh bản chất của đời sống tu sĩ.

Phần I. Người xuất gia chân chính và người rời bỏ gia đình

1. Người xuất gia chân chính

Trích trong kinh Sa môn quả, Trường Bộ kinh:

“...vị ấy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn..., đầy đủ oai nghi chính hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh. Sinh hoạt trong sạch giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chính niệm tỉnh giác, và biết tri túc.

...từ bỏ sát sinh,... biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sinh và loài hữu tình,... từ bỏ lấy của không cho,... chỉ lấy những vật đã cho,... không có trộm cướp,... từ bỏ nói láo,... chỉ nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại lời hứa đối với đời,... từ bỏ nói hai lưỡi,... nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sinh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sinh chia rẽ ở những người kia. Như vậy Tỷ kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp,... từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người,... từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về chính pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi...



Hình ảnh được tạo bởi AI

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm. Từ bỏ ăn phi thời. Từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch. Từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Từ bỏ nhận vàng và bạc. Từ bỏ nhận các hạt sống. Từ bỏ nhận thịt sống. Từ bỏ nhận đàn bà con gái. Từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Từ bỏ nhận cừu và dê. Từ bỏ nhận gia cầm và heo. Từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Từ bỏ buôn bán. Từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Từ bỏ làm thương tổn, sát hại câu thúc, bứt đoạt, trộm cắp, cướp phá...".

Có thể thấy rằng người xuất gia chân chính không được xác định bởi hình thức cạo tóc, khoác y hay rời bỏ đời sống gia đình, mà bởi sự chuyển hóa thực chất trong thân, khẩu và ý. Đó là người biết chế ngự các căn, giữ gìn giới hạnh, sống thanh tịnh, chân thật, từ ái, không gây tổn hại cho chúng sinh; đồng thời từ bỏ những hành vi, sinh hoạt và phương thức mưu sinh vốn nuôi dưỡng tham dục, sân hận, lừa dối và sự ràng buộc đối với thế tục.

Nếu một người mang dáng dấp của một tu sĩ nhưng những ham muốn, chấp thủ, dục vọng và tập khí thế tục vẫn còn nguyên vẹn, thì họ chỉ đơn giản là thay đổi môi trường, thói quen sống, chuyển sang hình thái sống mới, hay giống như họ đang rời bỏ gia đình mà thôi.

2. Người rời bỏ gia đình

Không phải cứ rời bỏ gia đình thì đã thực sự xuất gia. Có người rời bỏ gia đình vì những nguyên nhân hoàn toàn khác với mục đích tu tập. Như sáu hạng người trong bảy hạng được Tỳ kheo Na tiên nói với đức vua Milinda (Kinh Milindapañha): có người xuất gia để trốn tránh pháp luật, nợ nần, thất nghiệp, nghịch cảnh; có người tìm kiếm sự thân cận với quyền quý hoặc mong muốn địa vị, quyền hành trong Tăng chúng.

Trong những trường hợp ấy, hình thức bên ngoài có thể là xuất gia, nhưng động cơ bên trong lại không hướng đến đoạn trừ khổ đau và giải thoát.

Không những vậy, ngay cả khi một người không xuất gia vì những động cơ rõ ràng như trên, việc rời bỏ gia đình vẫn có thể chỉ là sự thay đổi về hoàn cảnh sống. Có người rời nhà để tìm môi trường an ổn hơn, tránh những áp lực của đời sống, tìm kiếm cộng đồng mới, vị trí mới hoặc một cách sống mới; nhưng những gì họ thực sự muốn từ bỏ lại chỉ là hoàn cảnh bên ngoài, trong khi tham dục, chấp thủ, nhu cầu được công nhận, mong muốn sở hữu hay những tập khí thế

tục vẫn được mang theo.

Cần phân biệt "rời bỏ gia đình" với "xuất gia để tu tập", rời bỏ gia đình là sự từ bỏ một hoàn cảnh sống; còn xuất gia là sự chuyển hướng của toàn bộ đời sống về mục đích tu tập và giải thoát. Cái bị từ bỏ không chỉ là căn nhà, tài sản hay những mối quan hệ gia đình, mà sâu xa hơn là những nguyên nhân khiến con người tiếp tục bị trói buộc trong sinh tử: tham dục, sân hận, si mê và chấp thủ.

Đời sống xuất gia còn gắn với trách nhiệm rất lớn đối với sự hộ trì của xã hội. Người xuất gia nhận cơm ăn, y phục, thuốc men và những nhu yếu cần thiết từ sự cúng dường của cư sĩ để có điều kiện chuyên tâm tu học. Nếu người tu sử dụng những điều kiện ấy để tiếp tục nuôi dưỡng dục vọng, danh lợi, quyền lực và các chấp thủ thế tục, thì sự thay đổi về hình thức sống không làm cho đời sống xuất gia đúng ý nghĩa.

3. Cái cần từ bỏ là sự tầm cầu (dục)

Kinh Thánh cầu, Trung Bộ kinh, mở đầu bằng sự phân đôi mọi hoạt động tìm kiếm của con người thành hai loại: Thánh cầu và phi Thánh cầu. Phi Thánh cầu được định nghĩa là người tự mình bị sinh, già, bệnh, chết mà lại tìm cầu cái bị sinh, già, bệnh, chết.

Ở chiều ngược lại, đức Phật nói người biết rõ sự nguy hại của cái bị sinh, mới tìm cầu cái không sinh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách. Vì vậy, xuất gia là sự chuyển hướng của toàn bộ đời sống chứ không phải thay đổi hoàn cảnh. Sự tu tập chân chính được thực hiện khi người ấy hiểu rõ sự nguy hại của dục, và vì sao đức Phật gọi các dục là vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.

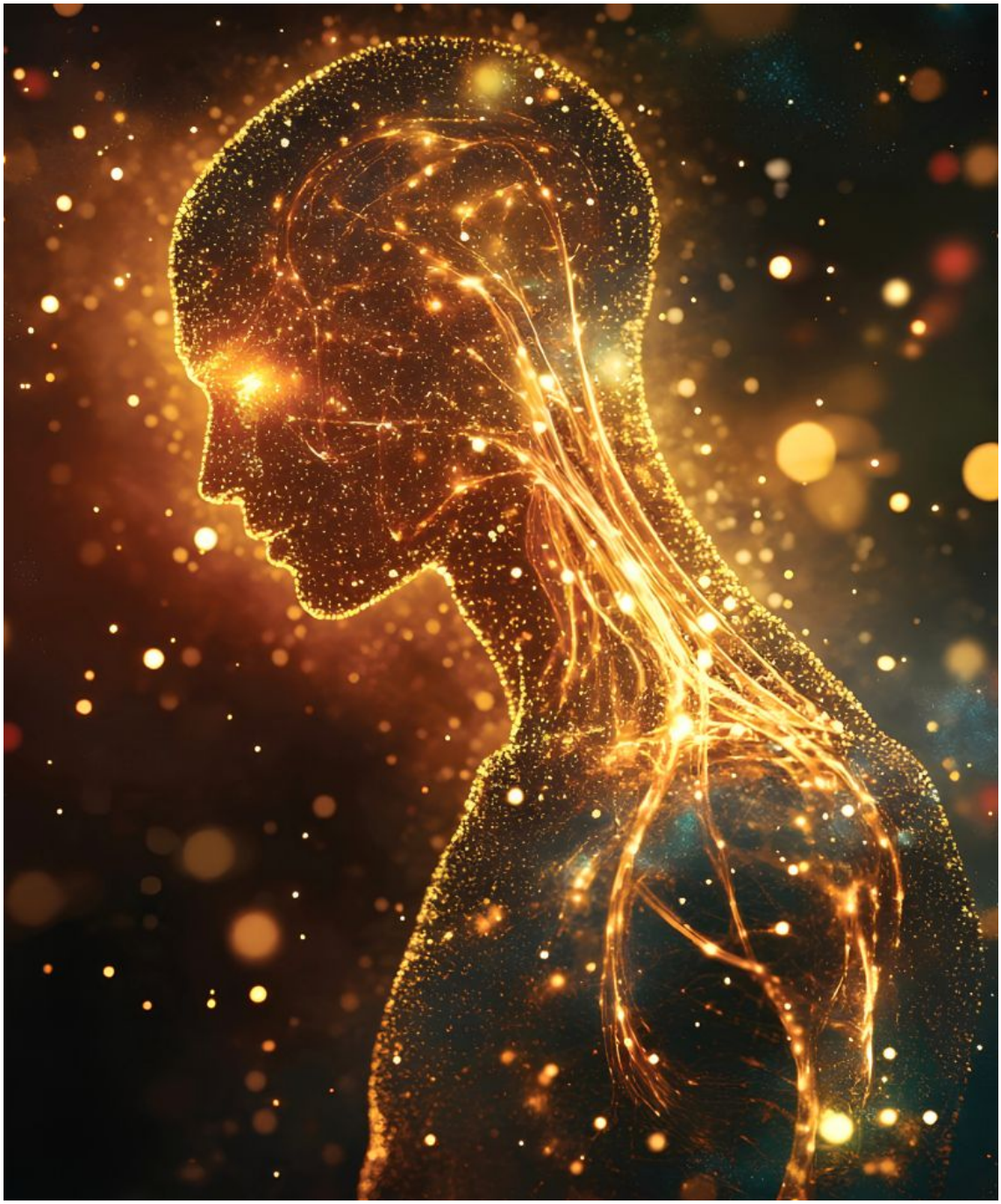
Phần II. Dục lạc là khổ não

1. Dục vì lợi ích

Trong kinh Ví dụ con rắn, Trung Bộ kinh, Phật thuyết một người học pháp, đọc kinh, tụng nói, giải thuyết; nhưng vị ấy không quán sát bằng trí tuệ cho rõ ràng; vị đó học các pháp chỉ vì lợi ích muốn ưa biện luận, hơn người, chỉ trích người, thì vị ấy nắm giữ sai "pháp", dẫn đến khổ đau.

Ví như, một người thấy con rắn, bắt lấy con rắn nhưng bắt vào lưng, hoặc vào đuôi, con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó. Người nắm sai lạc các pháp cũng

vậy, sẽ bị phản tác dụng.



Hình ảnh được tạo bởi AI

Người nắm đúng pháp như người thấy con rắn và tóm vào đầu, miệng con rắn, khiến con rắn không quay lại cắn được, tuy thân và đuôi nó vẫn còn cử động nhưng không hại tới vị đó. Đó là người nắm đúng pháp, đọc kinh, tụng nói, giải thuyết với trí tuệ quán sát cho rõ ràng, vị này học pháp vì lợi ích chúng sinh, không phải vì cá nhân, không phải vì ưa thích biện luận, không phải để chỉ trích người khác.

2. Dục thân xác

Cũng trong bài kinh trên, Phật thuyết dục lạc "vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn... các dục được ví như khúc xương... các dục được ví như đầu rắn, vui ít khổ nhiều, não nhiều và do vậy, nguy hiểm càng nhiều hơn".

Đặc biệt, ở phần cuối đoạn kinh có viết như sau: "này các Tỷ kheo, sự kiện này không xảy ra, người ta có thể thọ dụng các dục ngoài các dục, ngoài các dục tưởng, ngoài các dục tầm". Câu này có nghĩa rằng không có bất kì ai khi thọ dụng dục mà không có kèm dục tưởng, không có kèm sự tìm cầu nhiều hơn về dục (tức dục tầm). Điều này là thứ mà bất kể ai cũng có thể nhận ra và quán chiếu ngay trong chính đời sống của bản thân mình.

3. Dục tưởng và sự nguy hại của dục tưởng

Tạm hiểu một cách đơn giản, "tưởng" là trạng thái não bộ hoạt động về một đối tượng mà không thật đang có đối tượng đó hiện tiền. Trái ngược hẳn với ý thức, là trạng thái hoạt động có đối tượng cụ thể và đang hiện tiền.

Ví như, các bạn đang đọc bài này, tức là đối tượng đã được xác lập, chúng ta suy tư về những ngữ nghĩa trong này, như vậy, các bạn đang dùng ý thức để tiếp nhận.

Giờ hãy nghĩ về con voi.

Đọc đến đây, dù cố gắng ngăn cản, nhưng chúng ta đều sẽ nghĩ tới con voi, phương pháp này được đặt tên là "Nghịch lý Voi hồng". Nhắc tới một thứ không hiện hữu, trí não vẫn có thể nghĩ tới nó, hình dung về nó với hình thù, màu sắc,... Và nếu, chúng ta nhắm mắt lại, thì hình thù ta nghĩ tới có thể được phóng đại mạnh mẽ hơn, ví như Con Voi Hồng khổng lồ có đuôi rắn đang cưỡi mây bay về trời, hoặc Con voi trắng từ trên trời xuống bay vào hông của ta. Đó là bởi vì khi nhắm mắt lại thì ta đang ngắt kết nối đối tượng ngoại cảnh, gia tăng thêm sức mạnh của "Tưởng".

Trong kinh Tương Ưng bộ, Chương Hai: Ngoại giới năm kinh, Phẩm Sai biệt, Phật dạy về một phương diện sinh ra tưởng chính là từ trải nghiệm của các giác quan. Ở đây, tưởng không phải là "nghĩ về" một đối tượng khi không hiện tiền, mà là dấu vết nhận thức được khắc lại từ trải nghiệm trực tiếp, thúc đẩy hành vi thọ hưởng, tìm cầu trải nghiệm 6 trần ở đời. Một sắc đã thấy, một âm thanh đã nghe, một xúc chạm đã cảm, một pháp đã từng được ý thức kinh nghiệm tất cả đều để lại "vết hằn" trong tư tưởng và vết hằn ấy chính là nền tảng của tưởng để khởi lại.

“Này các Tỷ kheo, duyên giới sai biệt, tưởng sai biệt sinh khởi. Do duyên tưởng sai biệt, tư duy sai biệt sinh khởi. Do duyên tư duy sai biệt, dục sai biệt sinh khởi. Do duyên dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt sinh khởi. Do duyên nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sinh khởi.

Và này các Tỷ kheo, thế nào là giới sai biệt? Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới; này các Tỷ kheo, đây gọi là giới sai biệt.

Này các Tỷ kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sinh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sinh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sinh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sinh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sinh khởi... Này các Tỷ kheo, do duyên pháp giới, pháp tưởng sinh khởi. Do duyên pháp tưởng, pháp tư duy sinh khởi. Do duyên pháp tư duy, pháp dục sinh khởi. Do duyên pháp dục, pháp nhiệt tình sinh khởi. Do duyên pháp nhiệt tình, pháp tầm cầu sinh khởi.

...

Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sinh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sinh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sinh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sinh khởi. Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sinh khởi. Không phải do duyên tưởng sai biệt, giới sai biệt sinh khởi... Này các Tỷ kheo, do duyên sắc giới, sắc tưởng sinh khởi. Do duyên sắc tưởng, sắc tư duy sinh khởi. Do duyên sắc tư duy, sắc dục sinh khởi. Do duyên sắc dục, sắc nhiệt tình sinh khởi. Do duyên sắc nhiệt tình, sắc tầm cầu sinh khởi... Do duyên thanh giới... Do duyên hương giới... Do duyên vị giới... Do duyên xúc giới... Do duyên pháp giới, pháp tưởng sinh khởi”.

Tư duy nối tiếp với tưởng không phải là hoạt động thuần lý trí độc lập, mà là sự diễn dịch lại trải nghiệm thông qua tưởng. Khi một đối tượng từng đem lại cảm thọ dễ chịu, ham thích, tưởng về đối tượng ấy được tái hiện; trên nền tưởng đó, tư duy bắt đầu vận hành, so sánh, liên tưởng, đánh giá. Ở đây, tưởng đóng vai trò như cầu nối giữa kinh nghiệm đã qua và dòng suy nghĩ hiện tại. Chính vì vậy, tư duy của mỗi người không giống nhau: nó phụ thuộc trực tiếp vào khả năng “quán tưởng”. Khi tư duy lặp lại đủ nhiều quanh một đối tượng đã từng được kinh nghiệm, một lực hút bắt đầu hình thành. Lực hút ấy được nuôi dưỡng từ ký ức trải nghiệm thông qua tưởng. Đây là điểm then chốt cho thấy ham mê “dục trần” không đơn thuần là bản năng, mà là sản phẩm được hình thành dần dần từ tiến trình nhận thức cá nhân thông qua trải nghiệm.

Nhiệt tình biểu thị năng lượng tâm lý về sự "thúc đẩy hưng phấn", dẫn tới truy tìm lại đối tượng "dục lạc".

Phủ định chiều ngược lại Phần quan trọng bậc nhất của đoạn kinh nằm ở chỗ đức Phật phủ định hoàn toàn chiều vận hành ngược lại:

"Không phải do duyên tầm cầu sai biệt, nhiệt tình sai biệt sinh khởi. Không phải do duyên nhiệt tình sai biệt, dục sai biệt sinh khởi. Không phải do duyên dục sai biệt, tư duy sai biệt sinh khởi.

Không phải do duyên tư duy sai biệt, tưởng sai biệt sinh khởi".

Đây là tuyên bố mang tính định hướng toàn bộ cách hiểu về động lực con người. Ngài đã chỉ ra rằng gốc rễ hành vi nằm ở sự "tưởng" hóa mạnh mẽ về xúc chạm cá nhân với ngoại cảnh. Nếu tưởng sinh khởi từ giới sai biệt, tức từ sự tiếp xúc giữa căn và trần trong đời sống thường nghiệm thì điều đó cũng hàm ý rằng thay đổi cách tiếp xúc, kiểm soát "tưởng" khởi sinh từ sự tiếp xúc, sẽ hướng đến sự thay đổi tốt hơn.

Tưởng không còn là yếu tố hoàn toàn bị động, bị chi phối bởi hoàn cảnh bên ngoài, mà trở thành tiến trình có thể được định hướng lại thông qua sự học tập và hành trì có chủ đích.

3.1. Dục nằm ở tưởng

Người đời phần lớn mặc nhiên cho rằng dục nằm ở đối tượng: ở sắc đẹp, ở tiếng hay, ở món ngon, ở tài sản, ở thân xác người khác. Nếu quả thật như vậy thì cách giải quyết rất đơn giản: dời thân đi chỗ khác, cắt đứt đối tượng là hết dục. Đây chính là chỗ ngộ nhận lớn nhất của người rời bỏ gia đình mà tưởng rằng mình đang xuất gia. Trong kinh Thể Nhập, Tăng Chi Bộ, chương Sáu Pháp, đức Phật liệt kê dục trưởng dưỡng là các sắc, thanh, hương, vị, xúc khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nhưng liền sau đó Ngài phủ định: "chúng không phải là dục, chúng được gọi là các dục công đức trong giới luật của bậc Thánh". Bài kệ kết lại: *"Các tư duy tham ái là dục của con người. Các hoa mỹ ở đời không phải là dục... Ở đây bậc trí nhiếp phục lòng dục".*

Cả đoạn này đảo ngược cách hiểu thông thường. Sắc, thanh, hương, vị, xúc chỉ là dục trần, là chất liệu, là thứ bổ trợ, trưởng dưỡng cho dục. Cái được gọi đúng tên là dục nằm ở phía trong, ở tư duy tham ái khởi lên trên nền của tưởng. Cũng giống như đoạn kinh Tương Ưng đã dẫn phía trên: giới sai biệt sinh tưởng, tưởng sinh tư duy, tư duy sinh dục, dục sinh nhiệt tình, nhiệt tình sinh tầm cầu. Dục đứng ở mắt xích thứ ba chứ không phải thứ nhất. Ngoại cảnh không trực tiếp

sinh ra dục; nó được sinh ra từ tưởng sai biệt sinh ra tư duy sai biệt.

Nơi nào có dục tưởng, nơi đó có dục đang được thọ dụng, dù đối tượng vắng mặt hoàn toàn.

Một người ngồi một mình trong phòng đóng kín, không thấy ai, không nghe gì, vẫn có thể ăn nằm với dục suốt buổi. Về mặt tâm, không khác mấy với người đang ở giữa môi trường đông người.

3.2. Tai hại của dục tưởng

Một, dục tưởng biến cái không có thành cái có

Trong phẩm Đại Tế Đàn, Chương Bảy pháp, Tăng Chi Bộ, đức Phật kể ra bảy cách phạm hạnh của người xuất gia bị bể vụn, bị khiếm khuyết, bị nhiễm ô, dù người ấy không hề hành dâm. Bảy cách ấy đi từ thô đến tế: để nữ nhân xoa bóp tắm rửa; cười đùa chuyện trò với nữ nhân; nhìn vào mắt nữ nhân; nghe tiếng nữ nhân cười, nói, hát hoặc khóc bên kia bức tường; nhớ lại chuyện xưa từng cười đùa chuyện trò với nữ nhân; thấy gia chủ thọ hưởng năm dục mà mong được như vậy; và sống phạm hạnh với ước nguyện sinh làm chư thiên.

Đáng chú ý là hai trường hợp ở giữa. Ở trường hợp thứ tư, người tu không thấy ai cả, chỉ có một âm thanh xuyên qua bức tường. Ở trường hợp thứ năm, đối tượng thậm chí đã thuộc về quá khứ, không còn tồn tại ở bất cứ đâu. Vậy mà phạm hạnh vẫn bị làm cho nhiễm ô. Bức tường ở đây đóng đúng vai trò của cặp mắt nhắm lại trong thí nghiệm con voi: nó cắt đứt phần lớn dữ liệu của ngoại cảnh, chính vì thiếu dữ liệu mà tưởng được tự do dựng nốt phần còn lại. Cái làm hỏng phạm hạnh không phải người ở bên kia bức tường, mà là hình ảnh được dựng lên ở trong tâm trí mình.

Tăng Chi bộ, bài kinh Hệ Lụy (Hệ Phược) khi nói về sự trói buộc của dục, Phật dạy người đàn bà trước hết tác ý đến nữ căn của mình, nữ hành, nữ tướng, nữ dục, nữ thanh, nữ trang sức; do tham đắm và thích thú nơi chính những cái ấy, nàng mới hướng ra ngoài mà tác ý đến nam căn của người đàn ông. Người đàn ông cũng vậy theo chiều đối xứng. Hai bên do đó trói buộc lẫn nhau. Và Ngài kết rằng ai vượt qua được nữ tính hoặc nam tính của chính mình thì người ấy đã vượt khỏi hệ phược.

Mắt xích đầu tiên không phải người khác, mà là dục tưởng về chính mình. Điều này giải thích vì sao việc cắt đối tượng không giải quyết được gì. Người ta có thể dời thân đi khỏi mọi đối tượng, nhưng không dời được khỏi cái tưởng về chính mình; chừng nào cái tưởng ấy còn được nuôi thì sẽ tự đi tìm lấy đối tượng cho

nó.

Hai, dục tưởng lật ngược nhận thức về khổ và lạc

Kinh Māgandiya, Trung Bộ kinh, đưa ra hình ảnh người bị bệnh hủi (cùi), thân thể lở loét, bị trùng đục khoét, lấy móng tay cào rách miệng vết thương rồi hơ đốt thân trên hố than hừng vì thấy dễ chịu.

Cái dễ chịu ấy có được là do các căn đã bị hủy hoại, nên một xúc chạm vốn là khổ lại được cảm nhận thành lạc.

Đến khi lành bệnh, cũng người ấy bị kéo tới gần hố than sẽ vùng vẫy chống cự. Hố than không đổi, chỉ nhận thức trở lại đúng.

Đức Phật kết luận rằng chúng sinh chưa ly tham đối với các dục, bị dục nhiệt não thiêu đốt, nên đối với các dục vốn là xúc chạm khổ lại khởi lên tưởng là lạc.



Ảnh: Sưu tầm

Ba, dục tưởng làm mất khả năng thấy

Kinh Song Tầm ghi lời tự thuật của đức Phật khi xưa: “Dục tầm này khởi lên nơi Ta, và dục tầm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn”. Ba tầng hại thì dễ hiểu; đáng chú ý là bốn chữ “diệt trí tuệ”. Cái bị diệt không phải kiến thức, mà là năng lực quán sát như thật. Một cái tâm đang bị dục tưởng chiếm chỗ thì không còn khoảng trống nào để thấy vô thường, khổ, vô ngã, vì toàn bộ tâm đang bận dựng hình và đuổi theo hình.

Người đang mê đắm một đối tượng không thể đồng thời thấy đối tượng ấy đang hoại diệt từng sát na.

Bốn, dục tưởng tự nhân bản

Trong kinh Song Tầm: "Tỷ kheo suy tư, quán sát nhiều vấn đề gì, thời tâm sinh khuynh hướng đối với vấn đề ấy". Đặt cạnh chuỗi tưởng – tư duy – dục – nhiệt tình – tầm cầu thì thấy rõ hình dạng cái bẫy khi tầm cầu không kết thúc tiến trình, nó tạo ra trải nghiệm mới; trải nghiệm mới khắc thêm vết hằn; vết hằn dày thêm khiến tưởng lần sau khởi nhanh hơn, mạnh hơn, ít cần điều kiện hơn.

Thỏa mãn dục không làm dục giảm mà làm nó lớn thêm, y như người hủi càng hơ càng thấy cần hơ.

Kết luận

Lộ trình nhận thức bằng trí tuệ: Nói đến xuất gia chân chính thì không thể chỉ dừng ở chuyện giữ giới. Giới mới là nền tảng ban đầu, còn điều quan trọng hơn là người tu có thật sự nhìn thấy và chuyển hóa được những gì đang vận hành trong thân tâm mình hay không, có chặn đứng được dục tầm cầu hay không.

Người tu hành có thật sự thấy được bất thiện giới là gì, từ đâu sinh, làm sao diệt trừ và con đường nào đưa đến sự diệt trừ ấy. Bất thiện giới gồm thân nghiệp, khẩu nghiệp và nếp sống bất thiện; tất cả đều sinh từ tâm. Khi tâm có tham, sân, si thì thân và khẩu theo đó mà tạo nghiệp.

Vì vậy, muốn dọn cái bên ngoài thì phải quay về dọn cái bên trong: đoạn trừ thân ác hạnh thì tu thân thiện hạnh, đoạn trừ khẩu ác hạnh thì tu khẩu thiện hạnh, đoạn trừ ý ác hạnh thì tu ý thiện hạnh.

Thiện giới cũng phải được thấy rõ và cuối cùng phải được buông xuống. Bởi thiện giới vẫn là pháp hữu vi. Nếu hành giả bắt đầu chấp vào cái "ta có giới", "ta thanh tịnh", thì giới từ phương tiện trở thành sự trói buộc. Vì vậy, giữ giới không phải để xây thêm một cái tôi thanh tịnh, mà để tâm ngày càng tự do khỏi tham, sân, si.

Cũng vậy với tư duy. Bất thiện tư duy gồm dục, sân và hại, sinh từ những tưởng bất thiện. Muốn đoạn trừ thì phải ly dục, ly bất thiện pháp, đưa tâm vào định. Nhưng đến một tầng sâu hơn, ngay cả thiện tư duy như ly dục, vô sân, bất hại cũng phải được vượt qua. Vì dù là thiện, vẫn còn là sự vận hành của tâm, vẫn còn tầm, tứ, vẫn còn một mức độ tác ý và dao động.

Nói dễ hiểu hơn, thiện cũng là chiếc thuyền để qua sông. Nó rất cần, vì không có nó thì không thể vượt qua bất thiện. Nhưng đến bờ rồi thì cũng phải bỏ thuyền. Người tu không phải từ bỏ điều thiện để làm điều xấu, mà là đi qua cả thiện và ác, không còn chấp thủ vào bất kỳ pháp hữu vi nào.

Cho nên, lộ trình của trí tuệ không phải là từ "xấu" thành "tốt" rồi dừng lại ở đó. Mà là thấy xấu, đoạn xấu; tu thiện, tăng trưởng thiện; rồi ngay cả cái thiện cũng không chấp thủ. Đến cuối cùng, cái cần đạt không phải là một con người có thật nhiều "thành tích tu tập", mà là để Tâm ngày càng nhẹ đi, bớt tham, bớt sân, bớt si và không còn lấy những gì mình đang có để dựng lên một cái "ta" mới.

Đây cũng chính là chỗ phân biệt giữa người đang mang hình tướng tu và người thật sự đang tu. Một người có thể cạo đầu, mặc áo pháp, giữ nhiều giới, nhưng nếu bên trong vẫn còn đầy tham dục, sân hận và chấp thủ thì con đường trí tuệ vẫn chưa đi được bao xa.

Tác giả: **Cư sĩ Phạm Tuấn Minh**

Bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Phật học bản in Số tháng 11/2026

Tài liệu tham khảo:

1. Kinh Mi Tiên Vấn Đáp, (Milinda Panha), Dịch giả: Hòa thượng Giới Nghiêm (Maha Thera Thita Silo), Tỳ kheo Giới Đức hiệu đính, ấn bản 2003

2. Kinh sa môn quả (Kinh quả báo sa môn), Trường Bộ kinh, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu

3. Kinh Thánh Cầu, Trung Bộ kinh, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu

4. Kinh ví dụ con rắn, Trung Bộ kinh, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu

5. Phẩm Sai biệt, Chương Hai: Ngoại giới năm kinh, Tương ưng bộ, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu

6. Kinh Potthapada, Trường Bộ kinh, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu

7. Kinh Màgandiya, Trung Bộ kinh, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu

8. Phẩm Hệ Lụy và Phẩm Đại Tế Đàn, Chương Bảy pháp, Tăng Chi Bộ kinh, Dịch giả: HT. Thích Minh Châu